

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:16/2022/DS-PT
Ngày 12-01-2022
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Minh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Ngọc Mai

Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 tháng 12 năm 2021 và ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 173/2021/TLPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2021 về việc “tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 194/2021/QĐPT-DS, ngày 15 tháng 10 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 66/2021/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T (chết ngày 05/12/2019).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn T:

1. Bà Từ Thị Ch, sinh năm 1967; có mặt.

2. Chị Phạm Thị Tuyết Nh, sinh năm 1996; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 048, tổ 3, khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn Th, sinh năm: 1971, địa chỉ: Số 047, tổ 3, khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Văn L, sinh năm: 1946; địa chỉ: Số 051, tổ 3, khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1952; địa chỉ: Tổ 3, khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Bà Phạm Thị X, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 045, tổ 3, khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

4. Bà Phạm Thị N, sinh năm: 1959; địa chỉ: Tổ 1, khu phố Chánh Long, phường Phú Chánh, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

5. Ông Phạm Văn Đ, sinh năm: 1975; địa chỉ: Số 046, tổ 3, khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

6. Bà Phạm Thị Ph, sinh năm: 1978; địa chỉ: Số 479 Huỳnh Văn Lũy, tổ 18, khu phố 4, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; có mặt.

7. Ông Lưu Văn P, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ 3, khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị Ph1, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 047, tổ 3, khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

9. Chị Phạm Thị Hải Y, sinh năm 2000; địa chỉ: Số 047, tổ 3, khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

10. Ủy ban nhân dân phường Tân V, thị xã T; địa chỉ: Khu phố Tân Hóa, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Th1, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Tân V; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

11. Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Tổ 1, khu phố 2, phường Uyên Hưng, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Tấn L2, chức vụ: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T, tỉnh Bình Dương (Theo Giấy ủy quyền số 719/GUQ-UBND ngày 15/3/2021); có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N và bà Phạm Thị Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện ngày 28/5/2019, các Đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/7/2019 và ngày 22/01/2021; các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Phạm Văn T và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trình bày:*

- Về hàng thừa kế: Cụ Phạm Văn M, sinh năm 1916, chết ngày 05/9/2008 và cụ Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1927, chết năm 1968 có 05 người con chung gồm:

1. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1946;
2. Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1952;
3. Bà Phạm Thị X, sinh năm 1957;
4. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1959;

5. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1966, chết năm 2019 (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Phạm Văn T là vợ và con ông T gồm bà Từ Thị Ch, sinh năm 1967 và Phạm Thị Tuyết Nh, sinh năm 1996).

Sau khi cụ Nguyễn Thị Đ1 chết, cụ Phạm Văn M chung sống với cụ Nguyễn Thị B, sinh năm 1939, chết ngày 06/11/1995 và có 03 người con gồm:

1. Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1971;
2. Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1975;
3. Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1977;

Ngoài những người con nêu trên, cụ Phạm Văn M, cụ Nguyễn Thị Đ1 và cụ Nguyễn Thị B không có con nuôi, con riêng.

- Về di sản thừa kế: Cụ M tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 22.842m² đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01628/QSDĐ/TU ngày 19/7/2000 đứng tên cụ Phạm Văn M. Sau khi Nhà nước thu hồi một phần, diện tích còn lại theo kết quả đo đạc thực tế là 2.118,8m² thuộc các thửa số 464 và 861, tờ bản đồ số 12 tại khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Cụ M chết không để lại di chúc, những người thừa kế của cụ M gồm các ông, bà: Phạm Văn T, Phạm Thị X, Phạm Văn Đ và Phạm Văn Th mỗi người quản lý, sử dụng một phần của diện tích đất 2.118,8m² nêu trên. Tuy nhiên, các đồng thừa kế không tự thỏa thuận được việc chia thừa kế, nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do đó, yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã Tân V, huyện T chứng thực ngày 18/10/2007 giữa ông Phạm Văn M và ông Phạm Văn Th vô hiệu.

2. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK561198, số vào sổ H 01973 do UBND huyện T, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị Ph1 vào ngày 02/11/2007.

3. Yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản do cụ M để lại là quyền sử dụng diện tích đất 2.118,8m² thuộc các thửa số 464 và 861, tờ bản đồ số 12 tại khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trình bày:*

1. Rút yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã Tân V, huyện T chứng thực ngày 18/10/2007 giữa cụ M và ông Phạm Văn Th vô hiệu.

2. Rút yêu cầu kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK561198, sổ vào sổ H 01973 do UBND huyện T, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị Ph1 vào ngày 02/11/2007.

3. Rút yêu cầu chia theo quy định của pháp luật thừa kế đối với quyền sử dụng diện tích đất 495,7m² thuộc thửa số 464 và 861, tờ bản đồ số 12 tại khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

4. Yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản do cụ M để lại là quyền sử dụng diện tích 1.623,1m² thuộc thửa số 464, tờ bản đồ số 12 tại khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Về phương thức chia: Đề nghị chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế đang quản lý, sử dụng đất là bà Từ Thị Ch, ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị X. Các đồng thừa kế khác thì nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn chị Phạm Thị Tuyết Nh từ chối nhận di sản của ông Phạm Văn T.

- *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn Th trình bày:*

Về hàng thừa kế: Thống nhất với ý kiến trình bày của đại diện nguyên đơn.

Về di sản do cụ Phạm Văn M để lại: Chỉ đồng ý chia thừa kế đối với quyền sử dụng diện tích đất 1.623,1m² thuộc thửa số 464, tờ bản đồ số 12 tại khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Không đồng ý chia thừa kế đối với quyền sử dụng diện tích đất 495,7m² thuộc thửa số 861, tờ bản đồ số 12 vì lý do: Cụ M tặng cho vợ chồng ông Th diện tích đất nêu trên khi cụ M còn sống và đồng ý cho vợ chồng ông xây nhà ở từ năm 2000. UBND huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 01973 ngày 02/11/2007 công nhận ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị Ph1 được quyền sử dụng diện tích đất nêu trên.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn L và bà Phạm Thị X thống nhất trình bày:*

Thống nhất về hàng thừa kế và di sản thừa kế như nguyên đơn trình bày. Đồng ý về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất diện tích 1.623,1m² thuộc thửa số 464, tờ bản đồ số 12 tại khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương là di sản do cụ M chết để lại.

Về phương thức chia: Đề nghị chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế đang quản lý, sử dụng đất là bà Từ Thị Ch, ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị X. Các đồng thừa kế khác thì nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N trình bày:

Thông nhất về hàng thừa kế của cụ Phạm Văn M do đại diện nguyên đơn và bị đơn trình bày. Không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà đề nghị để lại cho các anh chị em cùng sử dụng chung.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Đ trình bày:

Thông nhất về hàng thừa kế của cụ Phạm Văn M do đại diện nguyên đơn và bị đơn trình bày. Không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà muốn để lại cho các anh chị em cùng sử dụng chung. Năm 2011, căn nhà cũ của cụ M bị hư hỏng nên ông Đ xây dựng lại căn nhà mới trên nền nhà cũ. Khi cụ M còn sống có tặng cho ông Phạm Văn Th diện tích 456m². Do đó, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn Th là đúng quy định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ph trình bày:

Thông nhất về hàng thừa kế do nguyên đơn và bị đơn trình bày. Đồng ý chia thừa kế đối với diện tích đất 1.623,1m² thuộc thửa 861, tờ bản đồ số 12 tại khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế làm 09 phần cho 08 người con của cụ M. Ông Phạm Văn Đ được hưởng 02 phần, trong đó có 300m² đất thổ cư tại vị trí căn nhà do ông Đ xây dựng vì lý do ông Đ đang thờ cúng cha mẹ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn P trình bày:

Ông P là chồng của bà Phạm Thị X. Ông P và bà Xem có quản lý, sử dụng và tạo lập được một số tài sản gắn liền với đất. Đề nghị Tòa án giải quyết theo ý kiến của bà Phạm Thị X.

- Ủy ban nhân dân phường Tân V trình bày:

Ủy ban nhân dân phường Tân V không xác định được là Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Tân V, huyện (nay là thị xã) Tân Uyên có chứng thực Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ M và ông Phạm Văn Th ngày 18/10/2007 hay không, cũng không xác định được tại thời điểm ký hợp đồng tặng cho cụ M có đủ năng lực hành vi dân sự và trực tiếp ký tên, lấn tay không vì lý do: Hồ sơ không còn lưu tại Ủy ban nhân dân phường Tân V, cán bộ tham mưu và lãnh đạo ký chứng thực vào Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Phạm Văn M và ông Phạm Văn Th ngày 18/10/2007 đã chuyển công tác.

Ủy ban nhân dân phường Tân V không có ý kiến về việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 18/10/2007 giữa cụ Phạm Văn M và ông Phạm Văn Th vô hiệu. Đề nghị Tòa án nhân dân thị xã T xử lý theo thẩm quyền.

- Ủy ban nhân dân thị xã T trình bày:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01628/QSDĐ/TU ngày 19/7/2000 đứng tên cụ Phạm Văn M không tiến hành đo đạc thực tế và cắm mốc xác định ranh giới nên không có sự chứng kiến của các chủ đất giáp ranh liền kề. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên được cấp theo bản đồ địa chính có hệ tọa độ HN-72 Bản đồ địa chính được thành lập vào thời điểm năm 1997.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK561198, số vào sổ H 01973 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị Ph1 vào ngày 02/11/2007 đối với thửa đất số 861, tờ bản đồ số 12 tại khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương dựa trên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Phạm Văn M và ông Phạm Văn Th ngày 18/10/2007. Việc cấp giấy chứng nhận có tiến hành đo đạc thực tế nhưng không ký xác nhận của chủ sử dụng giáp ranh. Giấy chứng nhận nêu trên được cấp theo bản đồ địa chính hệ tọa độ HN-72, thành lập năm 1997.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án số 21/2021/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu sau đây:

1.1 Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã Tân V, huyện T, tỉnh Bình Dương chứng thực ngày 18/10/2007 giữa ông Phạm Văn M và ông Phạm Văn Th vô hiệu.

1.2. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK561198, số vào sổ H 01973 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/11/2007 cho ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị Ph1.

1.3. Chia thừa kế đối với quyền sử dụng diện tích đất 495,7m² thuộc thửa số 861, tờ bản đồ số 12 tại khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T đối với bị đơn ông Phạm Văn Th về việc: “Tranh chấp thừa kế về tài sản”.

2.1 Xác định di sản của cụ Phạm Văn M để lại là quyền sử dụng diện tích đất 1.623,1m² thuộc thửa đất số 464, tờ bản đồ số 12 tại khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương có tổng trị giá 4.357.750.000 đồng (*Bốn tỷ, ba trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

2.2 Xác định hàng thừa kế thứ Nhất của cụ Phạm Văn M gồm có: Ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị L1, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị N, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn Th, ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị Ph.

2.3 Xác định mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng trị giá là 544.718.000 đồng (*Năm trăm bốn mươi bốn triệu, bảy trăm mười tám nghìn đồng*).

3. Chia thừa kế di sản của cụ Phạm Văn M để lại là quyền sử dụng diện tích đất 1.623,1m² thuộc thửa đất số 464, tờ bản đồ số 12 tại khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương cho những người sau đây:

3.1 Giao cho bà Từ Thị Ch được quyền sử dụng diện tích đất 539,2m² (gồm có 65m² đất thổ cư và 474,2 m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 464, tờ bản đồ số 12 tại khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Diện tích 539,2m² (Ký hiệu Khu A) có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp thửa số 441; Tây giáp một phần thửa đất số 464; Nam giáp thửa số 1323; Bắc giáp đường đất.

Bà Từ Thị Ch được quyền sở hữu đối với các tài sản gắn liền với diện tích đất 539,2m² nêu trên.

3.2 Giao cho ông Phạm Văn Đ được quyền sử dụng diện tích đất 775,3m² (gồm có 70m² đất thổ cư và 705,3m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 464, tờ bản đồ số 12 tại khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Diện tích 775,3m² (Ký hiệu Khu B) có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần đất chia cho bà Từ Thị Ch; Tây giáp đường bê tông; Nam giáp phần đất chia cho bà Phạm Thị X; Bắc giáp thửa đất số 861 của ông Phạm Văn Th.

Ông Phạm Văn Đ được quyền sở hữu đối với các tài sản gắn liền với diện tích đất 775,3m² nêu trên.

3.3 Giao cho bà Phạm Thị X được quyền sử dụng diện tích đất 308,6m² (gồm có 65m² đất thổ cư và 243,6m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 464, tờ bản đồ số 12 tại khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Diện tích 308,6m² (Ký hiệu khu C) có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần đất chia cho bà Từ Thị Ch; Tây giáp đường bê tông; Nam giáp thửa số 1323; Bắc giáp thửa số 861 của ông Phạm Văn Th.

Bà Phạm Thị X và ông Lưu Văn P được quyền sở hữu đối với các tài sản gắn liền với diện tích đất 308,6m² nêu trên.

(Theo sơ đồ đính kèm bản án)

3.4 Bà Từ Thị Ch, ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị X có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được giao nêu trên theo quy định của pháp luật.

4. Về nghĩa vụ thanh toán:

4.1 Bà Từ Thị Ch có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch cho các đồng thừa kế gồm các ông, bà: Phạm Văn L, Phạm Thị L1, Phạm Thị N, Phạm Văn Th và Phạm Thị Ph mỗi người số tiền 180.056.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

4.2 Ông Phạm Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch cho các đồng thừa kế gồm các ông, bà: Phạm Văn L, Phạm Thị L1, Phạm Thị N, Phạm Văn

Th và Phạm Thị Ph mỗi người số tiền 299.706.000 đồng (*Hai trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng*).

4.3 Bà Phạm Thị X có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch cho các đồng thừa kế gồm các ông, bà: Phạm Văn L, Phạm Thị L1, Phạm Thị N, Phạm Văn Th và Phạm Thị Ph mỗi người số tiền 64.856.000 đồng (*Sáu mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án có tuyên án phí, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 26/5/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N và bà Phạm Thị Ph kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu được chia thừa kế bằng hiện vật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn chị Phạm Thị Tuyết Nh, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L1, bà Nguyễn Thị Ph1, ông Lưu Văn P, chị Phạm Thị Hải Y, UBND phường Tân V, UBND thị xã T có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia thừa kế đối với phần đất diện tích 456m² thuộc thửa 861, tờ bản đồ số 12 tọa lạc phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương (diện tích đất gia đình ông Th đang sử dụng) và rút yêu cầu khởi kiện tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã Tân V, huyện T (nay là phường Tân V, thị

xã T) chứng thực ngày 18/10/2007 giữa cụ M và ông Phạm Văn Th vô hiệu; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK561198, số H 01973 do UBND huyện T, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị Ph1 vào ngày 02/11/2007. Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này, các đương sự trong vụ án không ai có kháng cáo, Viện Kiểm sát không kháng nghị, nên phần quyết định này của bản án sơ thẩm đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các đương sự thống nhất xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm Văn M gồm có: Ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị L1, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị N, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn Th, ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị Ph; di sản thừa kế của cụ M để lại là phần diện tích đất 1.623,1m² (trong đó có 300m²) thuộc thửa đất số 464, tờ bản đồ số 12 tại khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương và thống nhất giá đất theo Biên bản định giá ngày 21/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã T.

[2.2] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định trong diện tích đất 1.623,1m² có 200m² đất thổ cư là không phù hợp, căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01628QSDĐ/TU do UBND huyện T cấp cho cụ Phạm Văn M ngày 19/7/2000 tại mục những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận (bút lục 76) và sự thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, có căn cứ xác định 300m² thổ cư. Căn cứ biên bản định giá nêu tại mục [2.1] thì đất ở có giá 4.000.000 đồng/m², đất nông nghiệp có giá 2.500.000 đồng/m², do đó diện tích 1.623,1m² (ONT 300m², CLN 1.323,1m²) trị giá 4.507.750.000 đồng, tương ứng mỗi kỷ phần trị giá là 563.468.750 đồng (4.507.750.000 đồng : 8 người thừa kế).

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

[2.3.1] Phân chia di sản thừa kế là diện tích 1.623,1m² (trong đó có 300m² thổ cư) thuộc thửa đất số 464, tờ bản đồ số 12 tại khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương cho 8 đồng thừa kế, mỗi kỷ phần thừa kế trị giá 563.468.750 đồng. Các ông bà Phạm Thị Ph, Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị N, bà Từ Thị Ch (bà Chín hưởng di sản với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T, chị Phạm Thị Tuyết Nh từ chối nhận di sản của ông T), bà Phạm Thị X được phân chia thừa kế bằng hiện vật, tương ứng với các phần đất có ký hiệu A, B, C, D, E theo sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án. Các ông bà Phạm Văn L, Phạm Thị L1, Phạm Văn Th hưởng kỷ phần thừa kế bằng giá trị từ các đồng thừa kế khác hoàn lại số tiền chênh lệch so với kỷ phần họ được hưởng.

[2.3.2] Đối với diện tích đất thổ cư, các đương sự thống nhất chia diện tích 300m² đất thổ cư như sau: Ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị X, bà Từ Thị Ch được phân chia theo như bản án sơ thẩm, còn bà Phạm Thị Ph và bà Phạm Thị N là người kháng cáo mỗi người được 50m² đất thổ cư. Tuy nhiên, bà Phạm Thị

Ph không nhận đất thổ cư mà chỉ nhận đất nông nghiệp, cắt đất ông Phạm Văn Đ đang quản lý giao cho bà Phạm Thị Ph tương ứng một nền nhà có chiều ngang 5m.

[2.3.3] Về tài sản trên đất ai được chia phần nào thì được quyền hưởng tài sản gắn liền với đất theo ranh giới đất tương ứng với phần đất được chia.

[2.3.4] Cụ thể như sau:

- Bà Phạm Thị Ph được chia quyền sử dụng diện tích đất 94,1m² trồng cây lâu năm (ký hiệu A), trị giá 235.250.000 đồng.

- Ông Phạm Văn Đ được chia quyền sử dụng diện tích đất 606m² gồm có 120m² thổ cư và 486m² đất trồng cây lâu năm (ký hiệu B), trị giá 1.695.000.000 đồng.

- Bà Phạm Thị N được chia quyền sử dụng diện tích đất 207,1m² gồm có 50m² thổ cư và 157,1m² đất trồng cây lâu năm (ký hiệu C) trị giá 592.750.000 đồng.

- Bà Từ Thị Ch (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Phạm Văn T) được chia quyền sử dụng diện tích đất 425,1m² gồm có 65m² thổ cư và 360,1m² đất trồng cây lâu năm (ký hiệu D), trị giá 1.160.250.000 đồng.

- Bà Phạm Thị X được quyền sử dụng diện tích đất 290,8m² gồm có 65m² thổ cư và 225,8m² đất trồng cây lâu năm (ký hiệu E), trị giá 824.500.000 đồng.

Các đồng thừa kế còn lại nhận ký phần thừa kế bằng giá trị là số tiền chênh lệch từ các đồng thừa kế nhận hiện vật thanh toán.

[2.4] Xét kháng cáo của bà Phạm Thị N và bà Phạm Thị Ph là có cơ sở chấp nhận; nội dung các đương sự thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật và không trái đạo đức xác hội, nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa là phù hợp.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự có nghĩa vụ chịu và thực hiện theo quy định của pháp luật. Các ông bà Phạm Văn L, Phạm Thị L1, Phạm Thị X và Phạm Thị N là người cao tuổi, nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[2.7] Về chi phí tố tụng:

[2.7.1] Chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm: Chi phí đo đạc, định giá là 14.400.000 đồng, mỗi người thừa kế phải nộp là 1.800.000 đồng. Bà Từ Thị Ch đã tạm ứng toàn bộ số tiền trên, nên các đồng thừa kế phải nộp trả lại cho bà Từ Thị Ch.

[2.7.2] Chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Chi phí đo đạc là 4.850.000 đồng, mỗi người thừa kế phải nộp là 600.625 đồng. Bà Phạm Thị N và bà Phạm

Thị Ph đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền trên, nên các đồng thừa kế phải nộp trả lại cho bà Nhận và bà Phượng.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phượng phải chịu theo quy định. Bà Nhận là người cao tuổi được miễn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 300 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N và bà Phạm Thị Ph.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; nội dung thỏa thuận cụ thể như sau:

2.1. Chia thừa kế di sản của cụ Phạm Văn M để lại là quyền sử dụng đất diện tích 1.623,1m² thuộc thửa đất số 464, tờ bản đồ số 12 tại khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương cho những người thừa kế sau đây:

- Bà Phạm Thị Ph được quyền sử dụng diện tích đất 94,1m² trồng cây lâu năm (ký hiệu A) thuộc thửa số 464, tờ bản đồ số 12 tại khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có tứ cận như sau: Hướng Đông và hướng Nam giáp phần đất được chia cho ông Đ (ký hiệu B); hướng Bắc giáp thửa đất số 861 của ông Phạm Văn Th, hướng Tây giáp đường bê tông. Bà Phạm Thị Ph được quyền sở hữu đối với các tài sản gắn liền với đất nêu trên.

- Ông Phạm Văn Đ được quyền sử dụng diện tích đất 606m² gồm có 120m² thổ cư và 486m² đất trồng cây lâu năm (ký hiệu B) thuộc thửa số 464, tờ bản đồ số 12 tại khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần đất được chia cho bà Phạm Thị N (ký hiệu C); hướng Tây giáp đường bê tông và phần đất được chia cho bà Phạm Thị Ph (ký hiệu A); hướng Nam giáp phần đất chia cho bà Phạm Thị X (ký hiệu E); hướng Bắc giáp thửa đất số 861 của ông Phạm Văn Th và một phần đất được chia cho bà Phạm Thị Ph (ký hiệu A). Ông Phạm Văn Đ được quyền sở hữu đối với các tài sản gắn liền với đất nêu trên.

- Bà Phạm Thị N được quyền sử dụng diện tích đất 207,1 m² gồm có 50m² thổ cư và 157,1m² đất trồng cây lâu năm (ký hiệu C) thuộc thửa số 464, tờ bản đồ số 12 tại khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp đất được chia cho bà Từ Thị Ch (ký hiệu D); hướng Tây giáp phần đất được chia cho ông Phạm Văn Đ, đất ông Phạm Văn Th và bà

Phạm Thị X; hướng Nam giáp thửa số 1323; hướng Bắc giáp đường bê tông. Bà Phạm Thị N được quyền sở hữu đối với các tài sản gắn liền với diện tích đất nêu trên.

- Bà Từ Thị Ch (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Phạm Văn T) được quyền sử dụng diện tích đất 425,1m² gồm có 65m² thổ cư và 360,1m² đất trồng cây lâu năm (ký hiệu D) thuộc thửa số 464, tờ bản đồ số 12 tại khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp thửa số 441; hướng Tây giáp phần đất được chia cho bà Phạm Thị N (ký hiệu C); hướng Nam giáp thửa số 1323; hướng Bắc giáp đường bê tông. Bà Từ Thị Ch được quyền sở hữu đối với các tài sản gắn liền với diện tích đất nêu trên.

- Bà Phạm Thị X được quyền sử dụng diện tích đất 290,8m² gồm có 65m² thổ cư và 225,8m² đất trồng cây lâu năm (ký hiệu E) thuộc thửa số 464, tờ bản đồ số 12 tại khu phố T, phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần đất chia cho bà Phạm Thị N (ký hiệu C); hướng Tây giáp đường bê tông; hướng Nam giáp thửa số 1323; hướng Bắc giáp thửa phần được chia cho ông Phạm Văn Đ (ký hiệu B). Bà Phạm Thị X và ông Lưu Văn P được quyền sở hữu đối với các tài sản gắn liền với diện tích đất nêu trên.

(Theo sơ đồ bản vẽ đính kèm bản án)

- Bà Từ Thị Ch (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Phạm Văn T), ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị Ph, bà Phạm Thị X có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia thừa kế nêu trên theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành.

Các ông bà Phạm Văn L, Phạm Văn Th, Phạm Thị L1 được chia thừa kế bằng giá trị, mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế bằng tiền là 563.468.750 đồng.

2.2. Về nghĩa vụ thanh toán:

Bà Phạm Thị N có trách nhiệm thanh toán số tiền chênh lệch trị giá kỷ phần thừa kế cho bà Phạm Thị Ph số tiền 29.281.250 đồng (hai mươi chín triệu hai trăm tám mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Ông Phạm Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán số tiền chênh lệch trị giá kỷ phần thừa kế cho bà Phạm Thị Ph số tiền 298.937.500 đồng, có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Văn Th, ông Phạm Văn L và bà Phạm Thị L1 mỗi người 277.531.250 đồng (hai trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm ba mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Bà Từ Thị Ch có nghĩa vụ thanh toán số tiền chênh lệch trị giá kỷ phần thừa kế cho ông Phạm Văn Th, ông Phạm Văn L và bà Phạm Thị L1 mỗi người 198.927.083 đồng (một trăm chín mươi tám triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn không trăm tám mươi ba đồng).

Bà Phạm Thị X có nghĩa vụ thanh toán số tiền chênh lệch trị giá kỷ phần thừa kế cho ông Phạm Văn Th, ông Phạm Văn L và bà Phạm Thị L1 mỗi người 87.010.417 đồng (tám mươi bảy triệu không trăm mười nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Từ Thị Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 26.538.750 đồng, được khấu trừ vào số tiền 3.100.000 đồng đã nộp tại các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0037546 ngày 25/7/2019 và số 0052235 ngày 29/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T; bà Từ Thị Ch còn phải nộp số tiền 23.438.750 đồng.

Ông Phạm Văn Th, ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị Ph mỗi người phải chịu số tiền 26.538.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các ông, bà Phạm Văn L, Phạm Thị L1, Phạm Thị X và Phạm Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

2.4. Về chi phí tố tụng:

2.4.1. Chi phí tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm

- Bà Từ Thị Ch phải chịu số tiền 1.800.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp, bà Từ Thị Ch không phải nộp thêm.

- Các ông, bà Phạm Văn Th, Phạm Văn L, Phạm Thị L1, Phạm Thị X, Phạm Thị N, Phạm Văn Đ và Phạm Thị Ph mỗi người phải nộp số tiền 1.800.000 đồng để trả lại cho bà Từ Thị Ch.

2.4.2. Chi phí tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm

- Bà Phạm Thị Ph và bà Phạm Thị N mỗi người phải chịu số tiền 606.250 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp, bà Phượng và bà Nhận không phải nộp thêm.

- Các ông, bà gồm: Phạm Văn Th, Phạm Văn L, Phạm Thị L1 mỗi người phải nộp số tiền 606.250 đồng để trả lại cho bà Phạm Thị Ph.

- Bà Từ Thị Ch và bà Phạm Thị X mỗi người phải nộp số tiền 606.250 đồng để trả lại cho bà Phạm Thị N.

- Ông Phạm Văn Đ phải nộp 181.250 đồng để trả lại cho bà Phạm Thị N, phải nộp 425.000 đồng để trả lại cho bà Phạm Thị Ph.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phạm Thị Ph phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0052475 ngày 26/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Bà Phạm Thị N được miễn nộp.

4. Phần đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 456m² đất thuộc thửa 861, tờ bản đồ số 12 tọa lạc phường Tân V, thị xã T, tỉnh Bình Dương (diện tích đất gia đình ông Th đang sử dụng); yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã Tân V, huyện T (nay là phường Tân V, thị xã T) chứng thực ngày 18/10/2007 giữa cụ M và ông Phạm Văn Th vô hiệu và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK561198, số H 01973 do UBND huyện T, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị Ph1 vào ngày 02/11/2007 của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã T;
- TAND thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Ngô Văn Minh**

Thẩm phán thành viên

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trung Dũng

Nguyễn Ngọc Mai

Ngô Văn Minh

